

Bản án số: 207/2024/DS-PT
Ngày: 12 - 9 - 2024
“V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất và nhà ở”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Bà **Đặng Thị Ánh Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hưng** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Phan Thanh Hào** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và nhà ở*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà P T X, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Bà P T K, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Long Hòa 1, xã Long Mỹ, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

1.3 Bà P T B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp cầu Ván, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P T B, theo văn bản ủy quyền ngày 04/9/2024: Ông L T P, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: đường 3/2, khóm 4, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

1.4 Bà P T T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông P V T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cầu Ván, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà P T L, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Hoà Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Ph Th L, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đồng Bé, xã Tân Long, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Bà Ph Th H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã Hòa Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Bà Ph T h, sinh năm 1986 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp Hòa Phong, xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Bà N T Ng, sinh năm 1957 (có mặt).

3.6. Anh Ph v n, sinh năm 1988 (xin vắng).

3.7. Ông Ph V M, sinh năm 1990 (xin vắng).

3.8. Anh Ph V H, sinh năm 1992 (có mặt).

3.9. Chị Ph T M, sinh 1994 (xin vắng).

3.10. Anh Ph V M, sinh 1996 (xin vắng).

3.11. Chị Ng T L, sinh năm 1976 (có mặt).

3.12. Ph H Q, sinh năm 2000.

3.13. Ph H T, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: ấp Cầu Ván, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Bà P T B, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2022 của nguyên đơn là bà P T X, P T K, P T B, P T T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông L T P trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn là cụ Ph V G (chết ngày 24/02/2009) và cụ H T Tr(chết ngày 24/6/2014). Cha mẹ có 08 người con gồm P T L, Ph V T (chết), P T X, Ph Th L, P T K, P T B, P T T và P V T. Cụ Giang và cụ Trương không để lại di chúc.

Ông Ph V T (chết ngày 17/4/2013) có vợ là N T Ng và 08 người con: Ph Th H, Phước Thị Hoa, Ph T h, Ph v n, Ph V M, Ph V H, Ph T M, Ph V M.

Tài sản của cụ Giang và cụ Trương gồm có:

Thửa đất 169, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.478,4 m² đất ở 300m² và trồng cây lâu năm 3.178,4m², gắn liền 01 căn nhà cấp 4, do cụ H T Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BA 694989, số vào sổ CH00067, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp ngày 09/02/2010.

Thửa đất số 618, tờ bản đồ số 3 diện tích 6.527,5m² loại đất chuyên trồng lúa nước, do cụ H T Tr đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành BB 404695, số vào sổ CH00170, do Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít cấp ngày 21/7/2010.

Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp Cầu Ván, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cụ Trương chết, ông P V T cùng vợ là Ng T T L và hai con là Ph H Q, Ph H T quản lý, sử dụng nhà ở gắn liền thửa đất số 169 và một phần thửa đất số 618. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế hai thửa đất nêu trên nhưng bị đơn không đồng ý.

Nay các nguyên đơn: bà Xiếu, bà Kiệp, bà Bảy, bà Tám yêu cầu chia di sản thừa kế làm 09 kỷ phần. Bà Bảy xin nhận hai kỷ phần do có công sức chăm sóc cụ Trương ốm đau trước khi chết, còn lại mỗi suất thừa kế nhận một kỷ phần, đối với cây trồng và tài sản gắn liền trên đất ai được chia đất thì người đó hưởng, không yêu cầu chia. Đối với di sản còn lại của cụ Giang, cụ Trương thì chia thừa kế theo pháp luật. Căn nhà chính ông Út đang quản lý là di sản của cụ Giang, cụ Trương nên yêu cầu chia làm 09 kỷ phần, đồng ý giao căn nhà cho ông Út sở hữu, buộc ông Út phải trả bằng giá trị.

Theo đơn phản tố ngày 13/8/2023 của bị đơn ông P V T và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Út trình bày:

Mối quan hệ gia đình và di sản của cụ Trương, cụ Giang để lại là đúng như nguyên đơn trình bày. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào năm 2013 cụ Trương và các anh em ruột có tặng cho vợ chồng ông Út 02 công đất ruộng thuộc chiết thửa 618 diện tích 6.725,5m². Khi đó các anh chị em đều đồng ý nhưng không làm giấy. Bà Bảy cầm tầm đo đất giao cho ông Út. Vợ chồng ông Út đã lên liếp trồng cây, cất nhà ở, vô điện, nước, không ai ngăn cản.

Sau khi cụ Trương chết, năm 2014 bà Bảy có chồng, căn nhà cha mẹ thuộc thửa đất số 169 không ai quản lý nên bà Bảy kêu ông Út về ở quản lý nhà cửa, đất đai. Vợ chồng ông Út đã tháo dỡ nhà ở trên 02 công đất thuộc thửa đất số 618. Ông Út đã ở thửa 169 và sửa chữa nhà, xây thêm nhà dưới, sân, hàng rào, đường dal vào nhà, số tiền đầu tư trên 200.000.000 đồng. Ông Út là người thờ cúng cha mẹ và quản lý thửa đất 169, còn thửa 618 ông Út sử dụng diện tích 2.000m², phần còn lại bà Bảy sử dụng. Bà Bảy là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 169 và 618. Nay ông Út yêu cầu công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất do cụ Trương cho vào năm 2013 đối với diện tích 2.000m² thuộc thửa 618. Phần còn lại chia làm 09 phần đều nhau, ông Út xin nhận 02 kỷ phần, còn lại mỗi suất thừa kế nhận một kỷ phần.

Người nào được chia thừa kế ngay 02 công đất thuộc chiết thửa 618 đã được ông Út lập vườn thì phải bồi thường chi phí thuê máy cuốc lập vườn 4.000.000 đồng/1.000m², chi phí bơm bùn 10.000.000 đồng/1.000m² và giá trị cây trồng theo giá của Nhà nước quy định. Người nào được chia thừa kế thửa đất 169 thì phải bồi thường chi phí thuê máy cuốc cải tạo vườn là 4.000.000 đồng/1.000m² và giá trị cây trồng theo giá quy định của Nhà nước. Đối với căn nhà của cụ Giang và cụ Trương để lại và diện tích đất ngay mộ của cụ Trương và cụ Giang, ông Út yêu cầu được sở hữu để thờ cúng và chăm sóc mồ mả ông bà.

Tại đơn yêu cầu ngày 26/7/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P T L và trong quá trình giải quyết bà Lự trình bày: Bà Lự thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về mối quan hệ hôn nhân gia đình và di sản của cụ Giang và cụ Trương là đúng. Bà Lự yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật. Bà Lự xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Tại đơn yêu cầu ngày 19/7/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ph Th L và trong quá trình giải quyết vụ án bà Liên trình bày:

Bà Liên thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về mối quan hệ hôn nhân gia đình và di sản của cụ Giang và cụ Trương là đúng. Bà Liên yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp phần thừa kế của Ph V T, người thừa kế của Ph V T không nhận thì nhập vào di sản chung của cụ Giang và cụ Trương để chia cho những người thừa kế hàng thứ nhất còn lại của cụ Giang và cụ Trương. Bà Liên xin nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Khi chia thừa kế ưu tiên cho P V T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 74, 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 645, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, nộp, giảm, miễn, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Quyền sử dụng thửa đất 169 (theo bản đồ địa chính chính quy là thửa 316), căn nhà cấp 4 của cụ Ph V G và cụ H T Tr có diện tích 135,82m² gắn liền thửa đất 169 và quyền sử dụng thửa đất 618 (theo bản đồ địa chính chính quy chuyển thành thửa 113, thửa 124, thửa 137, thửa 152) là di sản của cụ Ph V G và cụ H T Tr.

II. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P T X, P T K, P T B, P T T về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ph V G và cụ H T Tr cho bà P T B 02 kỷ phần.

III. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn P V T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H T Tr với ông P V T

đổi với 2.435,4m² đất trồng lúa chiết thửa 618.

IV. Buộc bị đơn P V T chia thừa kế di sản của cụ Ph V G và cụ H T Tr như sau:

1. Đối với thửa đất 169, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm (theo bản đồ địa chính chính quy chuyển thành thửa 316):

Căn cứ theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 24/4/2024, chia từ hướng tây nam theo thứ tự sau:

1.1. Chia P T B quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: 1,2,B,Q,7,8,1. Buộc bà P T B bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên đất, gồm: 10 cây dừa, 07 cây bưởi, 31 cây mít, 03 cây măng cầu là 28.055.000 đồng (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Chia P T T quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: B,C,P,Q, B. Buộc bà P T T bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm: 12 cây dừa, 03 cây bưởi, 29 cây mít là 25.880.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

1.3 Chia và tạm giao cho P V T quản lý kỹ phần thừa kế của ông Ph V T đối với quyền sử dụng đất 375m² (có khu mộ của ông Giang và bà Trương), trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: C,D,O,A,6, P,C.

1.4. Chia P T X quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: D,E,N,O,D. Buộc bà P T X bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm 07 cây dừa, 02 cây bưởi, 26 cây mít, là 19.420.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

1.5. Chia P T K quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: E,F,M,N,E. Buộc bà P T K bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm 07 cây dừa, 01 cây bưởi, 20 cây mít, 01 cây sầu riêng là 16.980.000 đồng.

1.6. Chia P T L quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: F,3,G,L,M,F. Buộc bà P T L bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm: 02 cây dừa, 20 cây mít là 11.000.000đ.

1.7. Chia Ph Th L quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: G,H,K,L,G. Buộc bà Ph Th L bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm: 05 cây dừa, 09 cây mít là 8.640.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.8. Chia cho P V T quyền sử dụng đất $754,1m^2$, trong đó có $699,1m^2$ đất trồng cây lâu năm và $55m^2$ loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: H,I,4,5,J,K,H.

Các đường sự được mở lối đi chung có chiều ngang 02 mét, cặp ranh thửa 299 của Lý Ngọc Lan và thửa 423 của Lê Hữu Tài, chiều dài từ đường bê tông đến hết thửa đất 169.

2. Đối với căn nhà chính của cụ Ph V G và cụ H T Tr hiện có trên thửa đất 169:

2.1. Giao ông P V T sở hữu toàn bộ căn nhà cấp 4, có diện tích $135,82m^2$ của cụ Ph V G và cụ H T Tr hiện có trên thửa đất 169.

2.2. Buộc ông P V T chia thừa kế giá trị căn nhà cho: P T X là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). P T K là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). P T B là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). P T T là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). P T L là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Ph Th L là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.3. Chia và tạm giao ông P V T quản lý kỹ phần thừa kế của ông Ph V T là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.4. Chia thừa kế cho ông P V T 57.540.000 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Đối với thửa đất 618 loại đất trồng lúa (theo bản đồ địa chính chính quy chuyển thành các thửa (113, 124, 157, 152):

Căn cứ theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 24/4/2024, chia từ hướng đông nam theo thứ tự sau:

3.1. Chia cho P T B quyền sử dụng đất $725m^2$. Thể hiện qua các mốc giới: V,5,11,9,F,V.

3.2. Chia cho P T T quyền sử dụng đất $725m^2$. Thể hiện qua các mốc giới: X,C,V,F,G,X.

3.3. Chia cho P T X quyền sử dụng đất $725m^2$. Thể hiện qua các mốc giới: S,X,G,H,S.

3.4. Chia cho P T K quyền sử dụng đất $725m^2$. Thể hiện qua các mốc giới: P,S,H,Z,P.

3.5. Chia cho P T L quyền sử dụng đất $725m^2$. Thể hiện qua các mốc giới: Y,B,P,Z,D,M,Y.

3.6. Chia và giao ông P V T quản lý sử dụng hợp pháp kỹ phần thừa kế của ông Ph V T với diện tích $725m^2$. Thể hiện qua các mốc giới: T,4,Y,M,10,N,T. Tạm giao ông P V T quản lý giá trị kỹ phần của ông Ph V T là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3.7. Chia và giao ông P V T quản lý sử dụng hợp pháp kỷ phần thừa kế của bà Ph Th L với diện tích 725m². Thể hiện qua các mốc giới: R,T,N,Q,O,R. Buộc ông P V T chia trả Ph Th L giá trị đất là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3.8. Chia P V T quyền sử dụng đất 1.453,9m². Thể hiện qua các mốc giới: 1,2,A,L,3,R,O,K,E,1.

Các đương sự được mở lối đi chung có chiều ngang 02 mét, cặp ranh thửa 112 của Phước Văn Dũng, thửa 133 của Dương Thị Kế, có chiều dài từ đường bê tông đến hết thửa đất 618.

V. Nội dung khác:

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Các đương sự không được đôn bỏ, di dời cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc hiện có trên đất đến khi thi hành án xong bản án.

Các đương sự được sở hữu toàn bộ cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc hiện có trên diện tích được chia thừa kế.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/5/2024 bà P T B kháng cáo: Yêu cầu sửa án sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà P T B. Cụ thể bà Bảy yêu cầu được chia và nhận bằng hiện vật 02 kỷ phần, cấp sơ thẩm đã chia cho bà Bảy 01 kỷ phần nên bà Bảy yêu cầu được nhận thêm một kỷ phần thuộc các thửa đất. Đối với thửa 618 bà yêu cầu nhận bằng hiện vật diện tích 728,9m² thể hiện qua các mốc 1,2,A,L,K,E,1. Đối với thửa 169 bà xin nhận thêm một kỷ phần bằng giá trị 28.770.000 đồng nên yêu cầu ông Út chia thừa kế giá trị căn nhà cho bà 02 kỷ phần với số tiền 57.540.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà P T B có người đại diện theo ủy quyền là ông L T P trình bày: Yêu cầu của bà Bảy là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bảy.

Ông P V T trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Bảy. Đồng ý không yêu cầu bà Bảy bồi thường tiền cây trồng số tiền là 28.055.000 đồng.

Bà Ng T L trình bày: Bà là vợ ông Út, bà đồng ý với ý kiến của ông Út.

Bà Phước Thị Kịp và bà P T T trình bày: Đồng ý với kháng cáo của bà Bảy.

Bà P T L, N T Ng, Ph Th H, Ph V H trình bày: Không có ý kiến về việc tranh chấp giữa hai bên.

Bà Ph Th L trình bày: Đồng ý với ý kiến của ông Út.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà P T B

- Sửa án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông Út về việc không buộc bà Bãy phải bồi thường giá trị cây trồng trên phần diện tích đất 375m² với số tiền 28.055.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm bà P T B không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 09/5/2024 bà P T B còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Nguyên đơn là bà P T X vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ph T h, Ph v n, Ph V M, Ph V M, Ph T M xin vắng mặt nên được giải quyết vắng mặt theo quy định khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Cụ Ph V G (chết ngày 24/02/2009) và cụ H T Tr (chết ngày 24/6/2014) có 08 người con gồm P T L, Ph V T, P T X, Ph Th L, P T K, P T B, P T T, P V T. Cụ Giang và cụ Trương không để lại di chúc. Ông Ph V T (chết ngày 17/4/2013) có vợ là N T Ng và 08 người con: Ph Th H, Phước Thị Hoa, Ph T h, Ph v n, Ph V M, Ph V H, Ph T M, Ph V M.

Tài sản của cụ Giang và cụ Trương gồm có thửa đất 169 diện tích 3.478,4m² loại đất ở và trồng cây lâu năm, gắn liền 01 căn nhà cấp 4; thửa đất số 618 diện tích 6.527,5m² loại đất chuyên trồng lúa nước, các thửa đất do cụ H T Tr đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp Cầu Ván, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Hiện nay ông Út đang quản lý, sử dụng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự quy định: Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau, không quy định người có công nuôi dưỡng, chăm sóc người để lại di sản trước khi chết sẽ được hưởng di sản thừa kế nhiều hơn. Chăm sóc nuôi, dưỡng cha mẹ là quyền và nghĩa vụ của con được quy định tại khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 71 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trước khi cụ Trương chết, ông Út đã quản lý sử dụng, cải tạo làm tăng giá trị diện tích 2.435,4m² đất trồng lúa chiết thửa 618 thành đất trồng cây lâu năm, trồng dừa, bưởi đã có thu hoạch, không ai ngăn cản. Sau khi cụ Trương chết, ông Út tiếp tục quản lý thửa đất 169, cải tạo vườn tạp, trồng mít, dừa, bưởi không ai trong hàng thừa kế của cụ Trương ngăn cản. Ông Út còn bảo quản sửa chữa nhà cụ Giang và cụ Trương, xây dựng thêm nhiều công trình phục liên kế làm nơi thờ cúng cụ Giang, cụ Trương. Cấp sơ thẩm chia cho ông Út 02 kỷ phần, trong đó 01 kỷ phần làm di sản thờ cúng là phù hợp với công sức của ông Út và phù hợp với Điều 645 và Điều 651 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cho nên kháng cáo của bà Bảy là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông Út đồng ý không yêu cầu bà P T B bồi thường phần cây trồng số tiền hiện có trên đất, gồm: 10 cây dừa, 07 cây bưởi, 31 cây mít, 03 cây măng cầu là 28.055.000 đồng (hai mươi tám triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Đây là sự tự nguyện của ông Út và không trái pháp luật nên được chấp nhận. Bà Bảy không phải trả số tiền này cho ông Út.

Cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của bà P T B, sửa bản án sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, về phần trả giá trị cây trồng.

[3] Về án phí: Do sửa án nên bà P T B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, nộp, giảm, miễn, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P T B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 25/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, về phần bồi thường cây trồng.

Tuyên xử:

I. Quyền sử dụng thửa đất 169 (theo bản đồ địa chính chính quy là thửa 316), căn nhà cấp 4 của cụ Ph V G và cụ H T Tr có diện tích 135,82m² gắn liền thửa đất 169 và quyền sử dụng thửa đất 618 (theo bản đồ địa chính chính quy chuyển thành thửa 113, thửa 124, thửa 137, thửa 152) là di sản của cụ Ph V G và cụ H T Tr.

II. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P T X, P T K, P T B, P T T về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Ph V G và cụ H T Tr cho bà P T B 02 kỷ phần.

III. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn P V T về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H T Tr với ông P V T đối với 2.435,4m² đất trồng lúa chiêm thửa 618.

IV. Buộc bị đơn P V T chia thừa kế di sản của cụ Ph V G và cụ H T Tr như sau:

1. Đối với thửa đất 169, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm (theo bản đồ địa chính chính quy chuyển thành thửa 316):

Căn cứ theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 24/4/2024, chia từ hướng tây nam theo thứ tự sau:

1.1. Chia P T B quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: 1,2,B,Q,7,8,1.

1.2. Chia P T T quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: B,C,P,Q, B.

Buộc bà P T T bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm: 12 cây dừa, 03 cây bưởi, 29 cây mít là 25.880.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

1.3 Chia và tạm giao cho P V T quản lý kỹ phần thừa kế của ông Ph V T đối với quyền sử dụng đất 375m² (có khu mộ của ông Giang và bà Trương), trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: C,D,O,A,6, P,C.

1.4. Chia P T X quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: D,E,N,O,D.

Buộc bà P T X bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm 07 cây dừa, 02 cây bưởi, 26 cây mít, là 19.420.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

1.5. Chia P T K quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: E,F,M,N,E.

Buộc bà P T K bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm 07 cây dừa, 01 cây bưởi, 20 cây mít, 01 cây sầu riêng là 16.980.000 đồng (mười sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

1.6. Chia P T L quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: F,3,G,L,M,F.

Buộc bà P T L bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm: 02 cây dừa, 20 cây mít là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

1.7. Chia Ph Th L quyền sử dụng đất 375m², trong đó có 340m² đất trồng cây lâu năm và 35m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: G,H,K,L,G.

Buộc bà Ph Th L bồi thường cho ông P V T giá trị cây trồng hiện có trên diện tích đất, gồm: 05 cây dừa, 09 cây mít là 8.640.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

1.8. Chia cho P V T quyền sử dụng đất 754,1m², trong đó có 699,1m² đất trồng cây lâu năm và 55m² loại đất ở nông thôn. Thể hiện qua các mốc giới: H,I,4,5,J,K,H.

Các đương sự được mở lối đi chung có chiều ngang 02 mét, cặp ranh thửa 299 của Lý Ngọc Lan và thửa 423 của Lê Hữu Tài, chiều dài từ đường bê tông đến hết thửa đất 169.

2. Đối với căn nhà chính của cụ Ph V G và cụ H T Tr hiện có trên thửa đất 169:

2.1. Giao ông P V T sở hữu toàn bộ căn nhà cấp 4, có diện tích 135,82m² của cụ Ph V G và cụ H T Tr hiện có trên thửa đất 169.

2.2. Buộc ông P V T chia thừa kế giá trị căn nhà cho:

- P T X là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- P T K là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- P T B là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- P T T là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- P T L là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Ph Th L là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.3. Chia và tạm giao ông P V T quản lý kỹ phần thừa kế của ông Ph V T

là 28.770.000 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

2.4. Chia thừa kế cho ông P V T 57.540.000 đồng (năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Đối với thửa đất 618 loại đất trồng lúa (theo bản đồ địa chính chính quy chuyển thành các thửa (113, 124, 157, 152):

Căn cứ theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít lập ngày 24/4/2024, chia từ hướng đông nam theo thứ tự sau:

3.1. Chia cho P T B quyền sử dụng đất 725m². Thể hiện qua các mốc giới: V,5,11,9,F,V.

3.2. Chia cho P T T quyền sử dụng đất 725m². Thể hiện qua các mốc giới: X,C,V,F,G,X.

3.3. Chia cho P T X quyền sử dụng đất 725m². Thể hiện qua các mốc giới: S,X,G,H,S.

3.4. Chia cho P T K quyền sử dụng đất 725m². Thể hiện qua các mốc giới: P,S,H,Z,P.

3.5. Chia cho P T L quyền sử dụng đất 725m². Thể hiện qua các mốc giới: Y,B,P,Z,D,M,Y.

3.6. Chia và giao ông P V T quản lý sử dụng hợp pháp kỷ phần thừa kế của ông Ph V T với diện tích 725m². Thể hiện qua các mốc giới: T,4,Y,M,10,N,T.

Tạm giao ông P V T quản lý giá trị kỷ phần của ông Ph V T là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3.7. Chia và giao ông P V T quản lý sử dụng hợp pháp kỷ phần thừa kế của bà Ph Th L với diện tích 725m². Thể hiện qua các mốc giới: R,T,N,Q,O,R.

Buộc ông P V T chia trả Ph Th L giá trị đất là 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3.8. Chia P V T quyền sử dụng đất 1.453,9m². Thể hiện qua các mốc giới: 1,2,A,L,3,R,O,K,E,1.

Các đương sự được mở lối đi chung có chiều ngang 02 mét, cặp ranh thửa 112 của Phước Văn Dũng, thửa 133 của Dương Thị Kế, có chiều dài từ đường bê tông đến hết thửa đất 618.

V. Nội dung khác:

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Các đương sự không được đốn bỏ, di dời cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc hiện có trên đất đến khi thi hành án xong bản án.

Các đương sự được sở hữu toàn bộ cây trồng, nhà ở, vật kiến trúc hiện có

trên diện tích được chia thừa kế.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà P T B nộp 6.625.750 đồng. Được khấu trừ từ 8.606.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 29/4/2022, lai số 0007087. Còn lại hoàn trả bà Bảy 1.980.250 đồng (một triệu chín trăm tám mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Buộc bà P T T nộp 6.517.000 đồng. Được khấu trừ là 4.303.000 đồng tạm ứng án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 29/4/2022, lai số 0007088. Bà Tám phải nộp tiếp là 2.214.000 đồng (hai triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng).

- Buộc ông P V T nộp 10.353.000 đồng. Được khấu trừ từ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 14/8/2023, lai số 0001140. Ông Út phải nộp tiếp 10.053.000 đồng (mười triệu không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- Hoàn trả bà P T K số tiền 4.303.000 đồng (bốn triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 29/4/2022, lai số 0007089.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà P T B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho bà P T B 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số N⁰ 0005783 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít nên được trừ qua.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND huyện Mang Thít: 01;
- THADS huyện Mang Thít: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng

Đặng Thị Ánh Bình

Nguyễn Văn Dũng

